**TUẦN 20**



**Kiến thức cần nhớ**

 ***Họ và tên:***………………………………..***Lớp***…………

**1. Phân số**

**a.Khái niệm phân số**

|  |  |
| --- | --- |
| Chia hình tròn thành 6 phần bằng nhau, tô màu 5 phần.Ta nói: Đã tô màu năm phần sáu hình trònTa viết $\frac{5}{6}$ , đọc là *năm phần sáu*Ta gọi $\frac{5}{6}$ là *phân số*Phân số $\frac{5}{6}$ có *tử sổ* là 5, mẫu số là 6. |  |

Mẫu số là số tự nhiên viết dưới gạch ngang. Mẫu số cho biết hình tròn được chia thành 6 phần bằng nhau.

Tử số là số tự nhiên viết trên gạch ngang. Tử số cho biết 5 phần bằng nhau đã được tô màu.

\* Lưu ý: Mẫu số luôn khác 0 còn tử số có thể bằng 0

**b. Cách đọc, viết phân số**

Ví dụ: Phân số chỉ phần đã tô màu trong mỗi hình dưới đây được viết, đọc như sau:

****

**c. Nhận xét**

 $\frac{1}{2}$ ,  $\frac{3}{4}$ ,  $\frac{4}{7}$ là những phân số.

Mỗi phân số có tử số và mẫu số. Tử số là số tự nhiên viết trên gạch ngang. Mẫu số là số tự nhiên khác 0 viết dưới gạch ngang.



**2. Phân số và phép chia số tự nhiên**

a) Có 8 quả cam, chia đều cho 4 Mỗi em được:

8 : 4 = 2 (quả cam)

b) Có 3 cái bánh, chia đều cho 4 Hỏi mỗi em được bao nhiêu phần của cái bánh?

|  |  |
| --- | --- |
| Nhận xét: Ta phải thực hiện phép chia 3 : 4. Vì 3 không chia hết cho 4 nên có thể làm như sau:- Chia mỗi cái bánh thành 4 phần bằng nhau rồi chia cho mỗi em 1 phần, tức là $\frac{1}{4}$ cái bánh.- Sau 3 lần chia bánh như thế, mỗi em được 3 phần, ta nói mỗi em được $\frac{3}{4}$ cái bánh ( xem hình vẽ)Ta viết : 3 : 4 = $\frac{3}{4}$ ( cái bánh) c) Nhận xét:Thương của phép chia số tự nhiên cho số tư nhiên (khác 0) có thể viết thành một phân số, tử số là số bị chia và mẫu số là số chia.Chẳng hạn: 8 : 4 = $\frac{8}{4}$3 : 4 = $\frac{3}{4}$5 : 5 = $\frac{5}{5}$ | Chia đều 3 cái bánh cho 4 emMỗi em được $\frac{3}{4}$ cái bánh |

**3. Phân số lớn hơn 1, bằng 1, nhỏ hơn 1**

a) Ví dụ 1: Có 2 quả cam, chia mỗi quả cam thành 4 phần bằng nhau. Vân ăn 1 quả cam và 1/4 quả cam. Viết phân số chỉ số phần quả cam Vân đã ăn.

Ta thấy: Ăn 1 quả cam, tức là ăn 4 phần hay 4/4 quả cam; ăn thêm 1/4 quả cam nữa, tức là ăn thêm 1 phần, như vậy Vân đã ăn tất cả 5 phần hay 5/4 quả cam.

****

b) Ví dụ 2: Chia đều 5 quả cam cho 4 người. Tìm phần cam của mỗi người.

Ta có thể làm như sau: Chia mỗi quả cam thành 4 phần bằng nhau. Lần lượt đưa cho mỗi người 1 phần, tức là 1/4 của từng quả cam. Sau 5 lần chia như thế, mỗi người được 5 phần hay 5/4 quả cam.

****

Vậy: 5 : 4 = $\frac{5}{4} $(quả cam)

c) Nhận xét:

- Kết quả của phép chia số tự nhiên cho số tự nhiên (khác 0) có thế viết là một phân số, chẳng hạn: 5 : 4 = $\frac{5}{4}$

|  |  |
| --- | --- |
| $\frac{5}{4}$ quả cam gồm 1 và $\frac{1}{4}$ quả camdo đó $\frac{5}{4}$ quả cam nhiều hơn 1 quả camTa viết $\frac{5}{4}$ > 1- Phân số $\frac{5}{4}$ có tử số lớn hơn mẫu số, phân số đó lớn hơn 1Phân số $\frac{4}{4}$ có tử số bằng mẫu số, phân số đó bằng 1Ta viết $\frac{4}{4}$ = 1Phân số $\frac{1}{4}$ có tử số bé hơn mẫu số, phân số đó bé hơn 1Ta viết $\frac{1}{4}$ < 1 |  |

4. Phân số bằng nhau

Nếu nhân cả tử số và mẫu số của một phân số với cùng một số tự nhiên khác 0 thì được một phân số bằng phân số đã cho.

Nếu cả tử số và mẫu số của một phân số cùng chia hết cho một số tự nhiên khác 0 thì sau khi chia ta được một phân số bằng phân số đã cho.

**PHIẾU 1 (HƯỚNG DẪN TỰ HỌC)**

***Họ và tên:***………………………………..***Lớp***…………

***Thứ hai***

**Bài 1**: **Viết (theo mẫu):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phân số** | **Tử số** | **Mẫu số** | **Đọc** |
|  | 4 | 5 | bốn phần năm |
|  |  |  |  |
|  |  |  | chín phần mười bốn |
|  | 15 | 21 |  |

**Bài 2**: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

3m2 21 dm2 =…………….. dm21m2 45 cm2 = ………………cm2

1km2 500000 m2= ………………m220km2= .......................m2

2km2 345 m2 = ……………....m21m2 2345 cm2= ……………....cm2

**Bài 3**: Một hình bình hành có độ dài đáy 1dm 8cm, chiều cao bằng $\frac{1}{3}$ độ dài đáy. Tính diện tích hình bình hành đó.

***Thứ ba***

**Bài 1**: Viết các phân số sau

a.Một phần năm:

b.Bốn phần mười:

c.Bốn lăm phần mười lăm:

d.Ba trăm linh hai phần một trăm linh tám:

**Bài 2**: Viết thương dưới dạng phân số rồi tính kết quả:

88 : 11; 144 : 12; 1078 : 14 ; 5545 : 123

**Bài 3**: Viết phân số dưới dạng thương rồi tính:

; ;  ; ; ; 

***Thứ tư***

**Bài 1:** Điền dấu >, < , =

$\frac{3}{4}$..……11 ………$\frac{47}{46}\frac{4}{3}$ ………1 $\frac{4}{4}$………1

$\frac{6}{6}$…….$\frac{17}{17}$1 ………$\frac{35}{36}\frac{35}{36}$ ……. $\frac{36}{35}\frac{41}{39}$ ……..1

**Bài 2**: Từ 3 số: 5, 7, 12, hãy viết các phân số có tử số và mẫu sốlà các số đã cho.

**Bài 3**: Viết các phân số lớn hơn 1 và có tích của tử số và mẫu số bằng 24.

***Thứ năm***

**Bài 1**:Mỗi đoạn thẳng dưới đây đều được chia thành các phần có độ dài bằng nhau. Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu):



 MB = ..........AB; AB =..........AM; MB =..........AM

**Bài 2**: Hãy viết tất cả các phân số có tử số bằng 5; có mẫu số nhỏ hơn 30 và chia hết cho cả 2 và 3.

**Bài 3**:Tìm một phân số có tổng của tử số và mẫu số là 25,nếu thêm vàotử số7 đơn vị và giữ nguyên mẫu số ta được một phân số có giá trị bằng 1.

 **ĐỐ VUI**

**PHIẾU 2 (CƠ BẢN)**

***Họ và tên:***………………………………..***Lớp***…………

**Bài 1**: Viết phân số chỉ phần đã tô màu của mỗi hình dưới đây vào chỗ chấm:

|  |  |
| --- | --- |
| a)................... | b)................... |

**Bài 2**: Viết (theo mẫu)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phân số** | **Tử số** | **Mẫu số** | **Đọc** |
|  | 4 | 5 | bốn phần năm |
|  |  |  |  |
|  |  |  | chín phần mười bốn |

**Bài 3**: Viết (theo mẫu):

1. Mẫu: 

   

1. Mẫu: 

   

1. Mẫu: 

   

**Bài 4**: Viết các phân số thích hợp vào chỗ chấm:

 Trong các phân số: 

Các phân số bé hơn 1 là:

Các phân số bằng 1 là:

Các phân số lớn hơn 1 là:

**Bài 5**:

1. Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm:

|  |  |
| --- | --- |
| Đã tô màu ......... hình vuông | Đã tô màu .......... hình tròn |

1. Tô màu vào mỗi hình dưới đây (theo mẫu):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |   |   |

**Bài 6**: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

1.  

 

1.    

**Bài 7**: Mỗi đoạn thẳng dưới đây đều được chia thành các phần có độ dài bằng nhau. Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu):



   

**Bài 8**:

1. Viết 5 phân số bé hơn 1, có mẫu số là 6 và có tử số lớn hơn 0:

1. Viết 5 phân số lớn hơn 1 và có mẫu số là 7:

1. Viết 5 phân số bằng phân số :

1. Viết các phân số có tổng của tử số và mẫu số bằng 5:

**PHIẾU 3 (CƠ BẢN – NÂNG CAO)**

***Họ và tên:***………………………………..***Lớp***…………

**Phần I. Trắc nghiệm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu**  | **Đề bài** | **Đáp án** |
|  | Phân số chỉ phần tô đậm trong hình bên là: ………….. |  |
|  | Thương của phép chia 5:7 được viết dưới dạng phân số là:……………….. |   |
|  | Phân số bốn phần chín được viết là: …….. |  |
|  | Cho các phân số: Phân số bằng 1 là: ……. |  |
|  | Cho các phân số: Phân số lớn hơn 1 là: …….  |   |
|  | Cho các phân số: Phân số bé hơn 1 là: ……. |   |
|  | Cho các phân số . Phân số bằng  là phân số: …… |  |
|  | Cho các phân số:  và . Phân số lớn nhất là: ... |  |
|  | Phân số có mẫu số lớn nhất có thể, có tử số bằng 5 và có giá trị lớn hơn 1 là: …. |   |
|  | Phân số có tử số lớn nhất có thể, có mẫu số bằng 2015 và có giá trị nhỏ hơn 1 là: ….. |   |

**II. TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm và viết đáp án vào ô trống.**

**Bài 11.**  Tìm một phân số có tổng của tử số và mẫu số là 25,nếu thêm vàotử số7 đơn vị và giữ nguyên mẫu số ta được một phân số có giá trị bằng 1.

*Bài giải*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Bài 12:**Mai vẽ một hình vuông, rồi chia thành 9 phần bằng nhau. Mai đã tô màu một số phần. Nếu Mai tô thêm 4 phần nữa thì phân số chỉ số phần Mai đã tô màu có giá trị bằng 1. Hỏi Mai đã tô màu bao nhiêu phần? Em hãy vẽ hình rồi tô màu như bạn Mai nhé!

*Bài giải*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**PHIẾU 4 (NÂNG CAO)**

***Họ và tên:***………………………………..***Lớp***…………

1. **PHẦN TRẮC NGHIỆM : Khoanh vào đáp án đúng**

**Bài 1.** Rút gọn phân số  ta được phân số tối giản là:

 A.  B.  C.  D. 

**Bài 2.** Chu vi và diện tích hình bình hành ABCD có cạnh AB = 2cm, cạnh BC = 4cm, chiều cao AH = 3cm lần lượt là:

 A. 12cm2 và 6cm B. 12cm và 12cm2

 C. 6cm2 và 12cm D. 12cm và 6cm

**Bài 3.** Phân số chỉ phần băng giấy được tô màu là:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |

 A.  B.  C.  D. 

**Bài 4.** Số 5 có thể viết dưới dạng phân số là:

 A.  B.  C.  D. 

**Bài 5.** Khoanh vào chữ cái trước ba phân số bằng nhau

 A.  ;  ;  B.  ;  ; 

 C.  ;  ;  D.  ;  ; 

**Bài 6.** Một hình bình hành có độ dài đáy 1dm 8cm, chiều cao bằng  độ dài đáy. Vậy diện tích hình bình hành đó là:

 A. 216cm2 B. 108cm2 C. 60cm2 D. 486cm2

II. **PHẦN TỰ LUẬN**

**Bài 1.** Viết số thích hợp vào chỗ trống.

 a.  =  =  b.  =  =  = 

**Bài 2.** Tìm phân số tối giản có giá trị bằng các phân số sau.

 a.  = ................................ b.  = ..................................

 c.  = ................................ d.  = ..................................

**Bài 3.** Hãy viết tất cả các phân số có tử số bằng 5; có mẫu số nhỏ hơn 30 và chia hết cho cả 2 và 3...........................................................................................................................................

..........................................................................................................................................

**Bài 4.** So sánh diện tích của hình chữ nhật ABDE và hình bình hành ABCD, biết AB = 12cm; BD = 8cm; AB = CD.

B

A

E D C

*Bài giải*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**Bài 5.** Tìm một phân số có tổng của tử số và mẫu số bằng 14, tử số kém mẫu số 4 đơn vị .

  *Bài giải*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |